

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DSST

Ngày: 13/11/2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Lam.

2/ Ông Lê Đăng Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cát Canggih - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-DS ngày 01/7/2019 và thông báo mở phiên tòa số 20/TB-Ta ngày 25/10/2019 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà H’ O Niê (A Mĩ D).

Địa chỉ: Buôn M A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H’ O Niê: Ông Bùi Văn B. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

- ***Bị đơn:*** Bà H’ M Niê Hra (AM B); Ông Y K Niê (AMa B). (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn Weo A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Ngọc T. (Có mặt).

Địa chỉ: 81/7 N, xã H, TP B, tỉnh Đ.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Kiều Thị T. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

- ***Người làm chứng:***

1/ Ông Nguyễn Hữu L. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ

2/ Bà Nguyễn Thị X. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 52 L, Phường A, thị xã B, tỉnh Đ.

3/ Bà Trần Thị Thanh V. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

4/ Bà H’ J. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Địa chỉ: Buôn W, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/9/2019; bản tự khai; các biên bản hoà giải tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn B trình bày:

Bà H' O và vợ chồng ông Y K có mối quan hệ quen biết nhau nên trong năm 2015 bà H' O có cho vợ chồng ông Y K vay tiền nhiều lần, đến ngày 11/11/2015 sau khi chốt sổ nợ thì vợ chồng ông Y K còn nợ bà H' O số tiền 1.130.000.000 đồng. Do đó hai bên thỏa thuận viết giấy nợ với số tiền 1.130.000.000 đồng và hủy bỏ toàn bộ những giấy nợ trước, hẹn 10 ngày, tức ngày 25/11/2015 sẽ trả hết số tiền gốc + lãi đã vay. Đồng thời trong quá trình vay tiền, ký nhận nợ, để làm tin, ông Y K và bà H' M có giao cho bà H' O 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên H' M, diện tích 22.580 m² và 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên Y K, diện tích 11.070 m². Tuy nhiên đến hạn vợ chồng ông Y K không trả được số nợ gốc + lãi cho bà H' O mà đến năm 2016, vợ chồng ông Y K trả được 400.000.000 đồng (trả thông qua hình thức ký giấy vay tiền bà Kiều Thị T số tiền 400.000.000 đồng và bà H' O trừ số tiền nợ 400.000.000 đồng cho bà H' M và ông Y K), đồng thời bà H' O giao cho bà T 02 giấy CNQSD đất của vợ chồng Y K có sự đồng ý của vợ chồng ông Y K.

Số nợ còn lại là 730.000.000 đồng bà nhắc nợ nhưng ông Y K, bà H' M không cho bà. Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Y K, bà H' M phải trả cho bà số tiền là: 230.000.000 đồng (vì ngày 19/9/2019 ông đại diện cho bà H' O đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 500.000.000 đồng).

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:

Công nhận ngày 11/11/2015 vợ chồng ông Y K, bà H' M có ký xác nhận vay của bà H' O số tiền 1.130.000.000 đồng. Lãi suất hai bên tự nguyện thỏa thuận, hẹn đến ngày 25/11/2015 sẽ trả hết gốc + lãi. Khi ký giấy vay tiền thì vợ chồng ông Y K không thể chấp tài sản gì mà trước đó vợ chồng ông Y K có giao cho bà H' O 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên H' M, diện tích 22.580 m² và 01 giấy chứng nhận QSD đất mang tên Y K, diện tích 11.070 m² để nhờ bà H' O làm thủ tục vay tiền ngân hàng giúp.

Tuy nhiên do khó khăn nên vợ chồng ông Y K không trả được số nợ vay đúng hạn mà đến năm 2016 vợ chồng ông Y K mới trả được 900.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể: Ngày 18/3/2016 trả 500.000.000 đồng, ngày 13/8/2016 trả tiếp 400.000.000 đồng (trả thông qua hình thức ký giấy vay tiền cho bà Kiều Thị T).

Hiện vợ chồng Y K, H' M chỉ nợ lại bà H' O là 230.000.000 đồng. Nay bà H' O khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y K phải trả 730.000.000 đồng, sau đó có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Y K trả 230.000.000 đồng thì ông đồng ý vợ chồng ông Y K sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền 230.000.000 đồng tiền gốc cho bà H' O.

Tuy nhiên đề nghị sau khi ông Y K, bà H' M trả đủ số tiền 230.000.000 đồng cho bà H' O, bà H' O phải giao trả cho ông Y K, bà H' M 02 giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất mà vợ chồng ông Y K đã giao cho bà H' O vào năm 2015, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Y K, buộc bà H' O phải trả lại 600.0000.000 đồng là số tiền mà vợ chồng ông Y K dùng để chuộc lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ người khác và đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan công an huyện Krông Năng để xử lý bà H' O, bà Kiều Thị T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa, ông không yêu cầu bà H' O phải giao trả cho ông Y K, bà H' M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông Y K đã giao cho bà H' O vào năm 2015 vì hiện vợ chồng ông Y K đang quản lý 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Kiều Thị T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày:

Năm 2015 bà có cho bà H' O vay tiền nhiều lần, tổng số tiền 900.000.000 đồng. Bà có biết bà H' O vay tiền để cho ông Y K, bà H' M vay lại, nhưng giữa Y K, H' M và bà H' O vay bao nhiêu, thời gian trả như thế nào thì bà hoàn toàn không biết. Do đó khi viết giấy vay tiền và nhận tiền của bà thì bà H' O có giao cho bà 02 giấy chứng nhận QSD đất mang tên Y K, diện tích 11.070 m² và 01 giấy CNQSD đất mang tên H' M, diện tích 25.580 m² để làm tin (có sự đồng ý của ông Y K, bà H' M). Do bà H' O không có tiền trả đúng hạn cho bà nên bà đồng ý ông Y K, bà H' M sẽ trả cho bà 400.000.000 đồng (thay cho bà H' O), việc vay tiền giữa bà và vợ chồng ông Y K có lập thành văn bản, công chứng, sau đó bà đã giao trả 01 giấy CNQSD đất mang tên Y K, diện tích 11.070 m² lại cho Y K và xóa số nợ 400.000.000 đồng cho bà H' O. Đối với CNQSD đất mang tên H' M, diện tích 25.580 m², do bà sợ ý nên ông Y K đã tự ý lấy lại và hiện nay ông Y K đã chuyển nhượng cho người khác. Đối với số tiền 400.000.000 thì hiện vợ chồng ông Y K cũng đã trả cho bà nên bà đã khấu trừ nợ số nợ 400.000.000 đồng cho bà H' O. Đối với số nợ 500.000.000 đồng còn lại thì bà không có ý kiến gì trong vụ án này, nếu sau này có yêu cầu bà sẽ khởi kiện bà H' O bằng một vụ án khác.

Người làm chứng bà Trần Thị Thanh V tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà V trình bày:

Bà xác nhận có biết vợ chồng ông Y K, bà H' O và bà Kiều Thị T. Tuy nhiên việc các bên có vay tiền của nhau hay không và vay bao nhiêu thì bà hoàn toàn không biết. Ngày 13/8/2016, bà có chứng kiến vợ chồng ông Y K viết giấy trả số nợ 400.000.000 đồng cho bà Kiều Thị T thay bà H' O, còn việc hai bên có giao nhận tiền, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhau hay không thì bà không chứng kiến nên hoàn toàn không biết.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu L tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông L trình bày:

Ngày 18/8/2016 thông qua bà H' J, ông có cho vợ chồng ông Y K vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay ông có nghe ông Y K nói là để chuộc lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà H' J, tuy nhiên lý do gì bà H' J giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y K và ông Y K có giao tiền cho bà H' J hay không thì ông hoàn toàn không biết. Sau đó trong ngày 18/8/2016 vợ chồng ông Y K đã trả cho ông 150.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng 03 tháng sau ông Y K cũng đã trả hết cho

ông. Ngoài ra ông không liên quan gì đến việc bà H'O khởi kiện vợ chồng ông Y K. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Người làm chứng bà H'J tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà H'J trình bày:

Bà có mối quan hệ là họ hàng của vợ chồng ông Y K, do đó bà có biết vợ chồng ông Y K có vay tiền của bà H'O Niê, tuy nhiên vay bao nhiêu và có giao giấy tờ gì cho bà H' O hay không thì bà không biết. Khoảng thời gian năm 2016 bà có cho vợ chồng Y K vay số tiền 100.000.000 đồng để chuộc lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 01 người đàn ông, lý do vì sao người đàn ông lại giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng Y K và tên, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này thì bà và vợ chồng Y K cũng hoàn toàn không biết.

Đối với giấy nhận tiền do ông Nguyễn Hữu L viết ngày 18/8/2016 thì bà hoàn toàn không biết và không liên quan gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Xuân đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ của vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự theo quy định pháp luật; xác định đầy đủ, đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt. Tuy nhiên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị X và bà H'J là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị X và bà H'J là người có biết về nội dung vụ án chứ không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị X và bà H'J là người làm chứng.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay

tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 230.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, xác định:

Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn bà H’ O bà bị đơn vợ chồng ông Y K đều thừa nhận trong năm 2015 giữa bà H’O Niê và ông Y K, bà H’ M có giao dịch với nhau thông qua hình thức bà H’ O cho vợ chồng ông Y K vay tiền mặt nhiều lần, đồng thời vợ chồng ông Y K có giao cho bà H’ O 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Y K và bà H’ M để làm tin. Đến ngày 11/11/2015 sau khi chốt sổ, vợ chồng ông Y K đã ký nhận nợ của bà H’O số tiền 1.130.000.000 đồng, cam kết đến ngày 25/11/2015 sẽ trả hết số tiền gốc + lãi theo thỏa thuận. Kể từ thời điểm nhận nợ đến nay, vợ chồng ông Y K chỉ mới trả cho bà H’ O số tiền gốc 900.000.000 đồng, trong đó ngày 18/3/2016 trả 400.000.000 đồng cho bà Kiều Thị T thay bà H’O, ngày 13/8/2016 trả 500.000.000 đồng. Khi trả 400.000.000 đồng cho bà Kiều Thị T thì cả ông Y K, bà H’ M đều đồng ý giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Kiều Thị T quản lý. Như vậy số tiền nợ gốc hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn là 230.000.000 đồng đến nay bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả khoản nợ 230.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 500.000.000 đồng của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 500.000.000 đồng.

[4.3] Đối với yêu cầu nguyên đơn phải giao trả cho bị đơn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn đã giao cho nguyên đơn vào năm 2015 khi vay tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận hiện đang quản lý 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Đồng thời tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4.4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 600.000.000 đồng. HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/3/2019 bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng là chi phí bị đơn chuộc lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án đã có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng hết thời hạn, bị đơn không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không xem xét đơn phản tố ngày 25/3/2019 và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Ngày 19/9/2019 bị đơn tiếp tục có đơn phản tố. Tuy nhiên thời điểm nộp đơn phản tố sau khi Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận

công khai chứng cứ. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không có căn cứ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn và dành quyền khởi kiện cho bị đơn bằng một vụ kiện dân sự khác khi bị đơn có đơn yêu cầu.

[4.5] Đối với yêu cầu chuyển vụ án dân sự qua hình sự để xử lý bà Kiều Thị T và bà H'O về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị đơn. HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong trường hợp bị đơn có căn cứ thì có quyền nộp đơn cùng các tài liệu chứng cứ đề nghị cơ quan chức năng khởi tố vụ án hình sự theo quy định.

[5] Đối với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án và đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H' O Niê.

Buộc ông Y K và H' M phải trả cho bà H'On Niê số tiền 230.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357; Điều 468 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 500.000.000 đồng của bà H' O Niê.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Y K Niê, bà H' M Niê Hra phải nộp 11.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà H' O Niê số tiền 16.600.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Y C Niê KĐảm nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0010382 ngày 09/8/2018.

4. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang